

LÀM GÌ ĐỂ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG?

PGS.TS. Dương Văn Viện

Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Nguyên Kỹ sư Đoàn ĐH3, ĐH1;

Nguyên Phó GD Cơ sở 2- Đại học Thủy lợi

Tóm tắt: Nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng chỉ đứng sau tài nguyên con người, là thành phần thiết yếu của sự sống, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của đất nước. Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở hạ nguồn sông Mekong, là vùng kinh tế quan trọng của đất nước, vì thế phải cân nhắc, tìm cách để thích ứng trong tình hình mới - khi tài nguyên nước có những biến động cả ở phía thượng nguồn và cả từ phía hạ du. Bài báo nêu lên một số vấn đề mà công tác thủy lợi ở ĐBSCL cần chú trọng trong thời gian tới.

1. Đặt vấn đề

Tài nguyên nước gồm nước mặt, nước mưa, nước dưới đất và nước biển. Nguồn nước mặt, hay còn gọi là tài nguyên nước mặt, tồn tại trong các thủy vực trên mặt đất như: sông ngòi, hồ tự nhiên, hồ chứa (hồ nhân tạo), đầm lầy, đồng ruộng và băng tuyết. Nước sông là thành phần chủ yếu và quan trọng nhất, được sử dụng rộng rãi trong đời sống và sản xuất. Tài nguyên nước nói chung và tài nguyên nước mặt nói riêng là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế xã hội của một vùng lãnh thổ hay một quốc gia. Tài nguyên nước ở nước ta chỉ có hạn và chịu áp lực lớn trước tình trạng ô nhiễm trầm trọng, khai thác - sử dụng quá mức cho phép đang diễn ra tràn lan. Đây là hậu quả tổng hợp từ sự bùng phát về dân số, hoạt động kinh tế gia tăng và công tác quản lý yếu kém. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn khi có thiên tai như lũ lụt, hạn hán. Ngoài ra, ở các địa phương sự khai thác nước ngầm bừa bãi, lãng phí đã gây sụt lún đất, ô nhiễm, ảnh hưởng không nhỏ tới tài nguyên nước dưới đất. Những vấn đề phức tạp và nghiêm trọng đó đòi hỏi phải thực hiện các biện pháp quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trên quan điểm toàn diện. Thủy lợi là tập hợp các biện pháp nhằm gìn giữ - bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên

nước phục vụ nhu cầu phát triển bền vững, hạn chế thiệt hại do nước gây ra cho kinh tế, môi trường và xã hội.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nằm ở cuối châu thổ sông Mekong gồm 13 tỉnh/thành: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang và TP Cần Thơ, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 3,96 triệu ha (bằng 5% diện tích toàn lưu vực sông Mekong), có dân số hơn 17 triệu người. Được hưởng nhiều thuận lợi: nhiều kênh rạch, nguồn nước khá phong phú, bờ biển dài 875 km, đất đai bằng phẳng, màu mỡ, được phù sa bồi đắp hàng năm, thủy sản dồi dào... Tổng lượng dòng chảy bình quân nhiều năm của sông Mekong vào khoảng 500 tỷ m³. Nhưng ĐBSCL cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và hạn chế chính từ điều kiện tự nhiên như đất thấp, chua phèn, lũ lụt vào mùa mưa, xâm nhập mặn về mùa khô... Ngoài ra, do ở cuối nguồn, ĐBSCL phải gánh chịu những ảnh hưởng khó lường từ các hoạt động khai thác tài nguyên nước và phát triển kinh tế xã hội phía thượng lưu. Hiện nay có 11 dự án thủy điện của Lào, Thái Lan, Campuchia dự kiến thực hiện trên dòng chính Mekong. Điều đó không những làm giảm dòng chảy đến của ĐBSCL mà còn làm tăng diện tích ngập mặn, đặc biệt khi xét kết hợp

với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Rõ ràng xâm nhập mặn đang đe dọa vựa lúa lớn nhất của cả nước và sẽ xảy ra rất gay gắt trong thời gian tới, tình trạng thiếu nước ngọt tại ĐBSCL sẽ còn gia tăng. Tuy nhiên, như mọi hiện tượng, biến đổi khí hậu-nước biển dâng (BĐKH-NBD) cũng có hai mặt, lợi và hại. Vấn đề đặt ra là chúng ta không chỉ nghiên cứu những mặt tác động tiêu cực mà cần phải chú ý đến cả những mặt tích cực để từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Nhằm làm cho ĐBSCL thích ứng được với biến đổi khí hậu-nước biển dâng, cần phải nhìn nhận, phân biệt được tác động tốt, xấu, đề xuất biện pháp quy hoạch thủy lợi thỏa đáng vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Ngày 8/3/2011 Hội nghị của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ đã tập trung thảo luận phương hướng, nhiệm vụ của toàn vùng, trong đó chú trọng đến 3 lĩnh vực chính để tạo động lực phát triển vùng ĐBSCL là: giao thông vận tải, giáo dục-dạy nghề và thủy lợi.

2. Hiện trạng phát triển của Đông bằng sông Cửu Long

Nhìn lại 36 năm xây dựng và phát triển, hệ thống công trình thủy lợi tại ĐBSCL tuy chưa thật hoàn chỉnh nhưng đã phát huy hiệu quả rất đáng kể, góp phần cải tạo một diện tích lớn đất phèn, mặn, nâng cao năng suất cây trồng, đưa nước ta từ chỗ thiếu lương thực lên mức đảm bảo và đang là nước đứng hàng thứ 2 trong xuất khẩu lương thực trên thế giới. Trong năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn vùng Tây Nam Bộ ước đạt 12,2%. GDP bình quân đầu người ước đạt 21 triệu đồng, tăng 14% so với năm 2009. Về sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích lúa gieo trồng 3,9 triệu ha, tăng 86 nghìn ha so với năm 2009, sản lượng ước đạt 21,5 triệu tấn. Khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 2,3 triệu tấn, tăng 230 nghìn tấn so với năm trước. Giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng đạt gần 120 nghìn tỷ đồng, tăng 16,71 % so với năm 2009. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2010 ước đạt 6,83 tỷ USD, tăng 17,22% so với năm 2009.

Tỷ lệ hộ nghèo cũng giảm từ 9,43% năm 2009 xuống còn 7,32% năm 2010 [1].

Một số chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2011 của vùng Tây Nam Bộ là tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng từ 12 – 13%; thu nhập bình quân đầu người trên 23 triệu đồng; tổng kim ngạch xuất khẩu trên 7,5 tỷ USD; giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) trên 2%.

ĐBSCL có diện tích canh tác khoảng 2,9 triệu ha, bao gồm: 1,2 triệu ha đất phù sa tốt (chiếm 29,7%), 1,6 triệu ha đất phèn, (chiếm 40%), 744 ngàn ha (chiếm tỷ lệ 16,7%), 134 ngàn ha đất xám (chiếm 3,4%). Nhóm đất phù sa bồi và không bồi là những loại đất tốt, không có hạn chế. Nhóm đất phèn, đất mặn và đất xám, có những hạn chế nhất định, nhưng nông dân đã có kinh nghiệm chế ngự phèn, tạo ra được hệ cây trồng thích ứng [1]. Nguồn nước tưới chủ yếu cho ĐBSCL là nước ngọt trên sông rạch từ hệ thống sông Mê Công và nước mưa. Nhu cầu sử dụng nước ngày càng lớn do tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp và do phát triển chăn nuôi. Việc khai thác, sử dụng nước còn rất tùy tiện, hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu... tình trạng lãng phí nước diễn ra trầm trọng. Hàng năm, ĐBSCL sử dụng khoảng 2 triệu tấn phân bón hóa học và gần 500.000 tấn thuốc bảo vệ thực vật, là nguồn gây ra tác động xấu cho môi trường đất và nước. Về nuôi trồng thủy sản, toàn ĐBSCL với diện tích nuôi thủy sản (cả nước ngọt và nước mặn) trên 600.000 ha, sản lượng trên dưới 1 triệu tấn/năm. Thực tế cho thấy khi các mô hình nuôi thâm canh theo quy mô công nghiệp càng phát triển thì lượng chất thải càng tăng lên. Theo ước tính nuôi trồng thủy sản tạo ra khoảng 460 triệu m³ bùn và chất thải hàng năm [3].

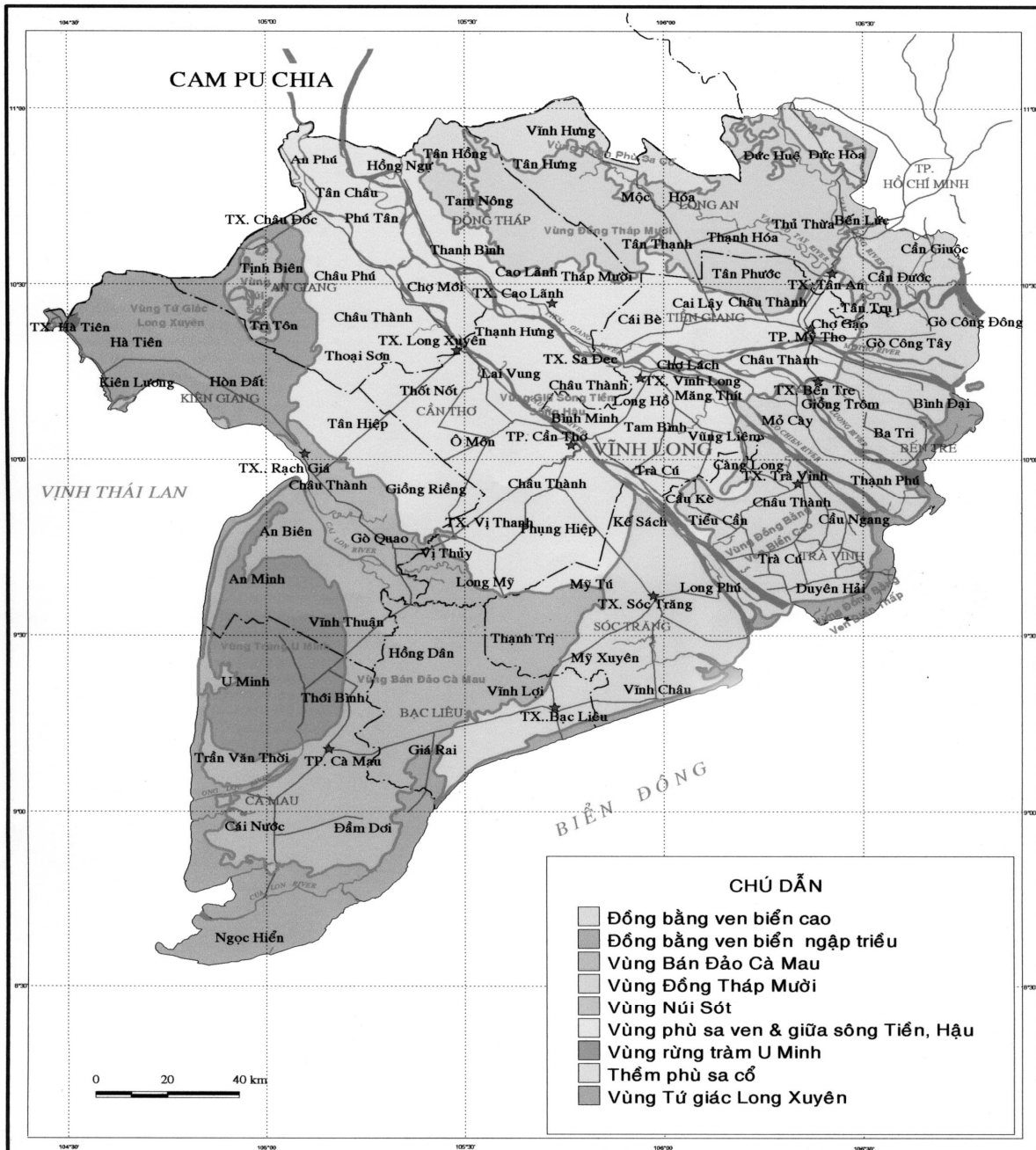
Thêm vào đó, ở ĐBSCL có 113 khu công nghiệp và cụm sản xuất công nghiệp, 119 cơ sở chế biến thủy sản với công suất 3.200 tấn/ngày... thải ra lượng nước thải trên 47 triệu m³/năm; các đô thị và các khu dân cư thải ra 102 triệu m³/năm [1]. Các nguồn chất thải hầu hết không qua xử lý đã xả ra sông, rạch làm cho mức độ gây hại đối với môi

trường càng trầm trọng.

Theo dự báo của kịch bản biến đổi khí hậu - nước biển dâng sẽ có từ 1,4 - 1,6 triệu héc-ta vùng ven biển ĐBSCL bị ngập mặn và khoảng 2 triệu héc-ta thiếu nước ngọt. Những năm trước từ trung tuần tháng 3 hoặc tháng 4 hạn hán, xâm nhập mặn mới diễn ra, nhưng năm nay (2011), ngay từ giữa tháng 2, nhiều địa phương trong vùng ĐBSCL đã phải đối

phó với hạn, mặn. Nước trên các sông Cổ Chiên, Cửa Đại, Hàm Luông bị nhiễm mặn 4‰ lấn sâu vào nội địa 30-35km, hơn 1000 ha lúa bị thất thu. Trên cửa Trần Đề nước mặn cũng đã lấn sâu khoảng 30km.

Hậu Giang là một vùng điển hình để phân ánh về xâm nhập mặn tại ĐBSCL. Năm 2010, sau hàng chục năm được ngọt hóa lần đầu tiên nước mặn quay lại tràn vào hệ thống kinh



Nguồn Viện Quy hoạch Nông nghiệp
 Hình 1. Bản đồ phân vùng nông nghiệp ĐBSCL

xáng Xà No, làm tê liệt nhà máy nước, khiến Vị Thanh thiếu nước trầm trọng. Tỉnh phải khẩn trương xây dựng đường ống dẫn nước ngọt từ huyện Châu Thành A (cách Vị Thanh 14km) về để xử lý, cung cấp cho sinh hoạt. Năm 2010, tỉnh có 12.000ha lúa bị ảnh hưởng mặn. Nước mặn lấn vào các huyện Long Mỹ, Vị Thủy và tất cả các xã, phường của Vị Thanh, với độ mặn biến thiên từ 2-11‰ (Theo quy định độ mặn từ 1,5-3,5‰ đã ảnh hưởng đến lúa, cây ăn quả, hoa màu, vùng nuôi thủy sản. Nếu trên 3,5‰, chỉ có những loại vật nuôi, cây trồng ở vùng mặn mới có khả năng thích ứng).

3. Các vấn đề đặt ra với quy hoạch thủy lợi ĐBSCL

Chính phủ đã giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quy hoạch thủy lợi ĐBSCL trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng có tính đến khả năng dùng nước ở thượng lưu. Để đảm bảo sử dụng nước hợp lý và có hiệu quả việc quy hoạch thủy lợi thích ứng với yêu cầu phát triển của toàn vùng cần có những điều chỉnh, Bộ cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo chuyên đề, lấy ý kiến của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ, 13 tỉnh - thành trong khu vực.

Do chế độ thủy văn và đặc điểm tự nhiên hàng năm có gần 2 triệu ha, thuộc địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, TP Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An và Bến Tre, bị ngập lũ kéo dài từ tháng VIII đến tháng XII với mức độ ngập rất khác nhau. Lũ mang phù sa bồi đắp cho đồng ruộng, có tác dụng rất tốt trong việc cải tạo môi trường nước và đất, góp phần làm vệ sinh đồng ruộng; mặt khác, lũ cung cấp nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, kinh tế dân sinh. Theo đó, công tác thủy lợi ĐBSCL sẽ được thực hiện theo định hướng ưu tiên từng bước nâng cao hệ thống đê biển, đê sông đạt cao trình yêu cầu; hoàn chỉnh hệ thống thoát lũ, kiểm soát lũ. Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi, kiểm soát lũ đi đôi với xây

dựng cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ, nâng cấp và làm mới các trục thoát lũ, dẫn nước, tiêu nước cho các vùng Tứ giác Long Xuyên, tả sông Tiền, giữa sông Tiền - sông Hậu và bán đảo Cà Mau.

Quy hoạch thủy lợi ĐBSCL là vấn đề hệ trọng, trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng (BĐKH - NBD) càng trở nên cấp bách, cần phải tính toán một cách hợp lý, toàn diện và bền vững nhằm đạt hiệu quả cao nhất theo các quan điểm đã được Chính phủ phê duyệt:

1. Quy hoạch thủy lợi phải phù hợp với quy định phát triển kinh tế - xã hội đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, làm cơ sở thực hiện có hiệu quả quy hoạch chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của cả vùng.

2. Quy hoạch phát triển thủy lợi nhằm bảo vệ, phát triển tài nguyên nước ở thượng lưu và vùng lân cận, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình, đồng thời hạn chế các tác hại do nước gây ra, nhất là lũ lụt và xâm mặn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển thủy lợi với quy hoạch giao thông, quy hoạch dân cư và các quy hoạch khác trên địa bàn; gắn quy hoạch thủy lợi với kiểm soát lũ, thau chua, xổ phèn, bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả.

3. Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu và toàn diện, phát huy các lợi thế, thế mạnh về nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp của vùng, bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển bền vững, bảo đảm tính thống nhất toàn vùng, phù hợp với đặc thù từng khu vực, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế khác, giải quyết nước sinh hoạt và nâng cao đời sống nhân dân.

Mỗi công trình, hệ thống công trình thủy lợi đề xuất đầu tư xây dựng phải đáp ứng

các tiêu chí về kinh tế, kỹ thuật, xã hội và môi trường.

4. Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), các nguồn vốn hợp pháp khác trong nước và ngoài nước, đồng thời huy động sự đóng góp của người dân để đầu tư hệ thống thủy lợi của vùng.

5. Tận dụng có hiệu quả các lợi ích do các nguồn thiên nhiên mang lại, như nước lũ mang phù sa, nguồn lợi thủy hải sản và vệ sinh đồng ruộng, nước mặn với rừng ngập mặn, sinh thái vùng ven biển và nuôi trồng thủy sản...

Các phương án, giải pháp quy hoạch phát triển thủy lợi của ĐBSCL cần tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với nhu cầu và tình hình mới nảy sinh, khai thác được yếu tố có lợi, hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực, khai thác tiềm năng của các vùng, đặc biệt là vùng đất thấp.

Phát triển thủy lợi Đồng bằng sông Cửu Long sẽ được thực hiện theo định hướng hoàn chỉnh và từng bước nâng cao hệ thống đê biển, đê cửa sông để đạt cao trình chống mực nước biển dâng do bão và triều cường. Ngoài vấn đề cấp nước mùa kiệt, phòng tránh và giảm nhẹ tác hại do lũ gây ra (theo các kịch bản phát triển trong đó có tính đến việc sử dụng nước ở các nước thượng lưu sông Mê Kông), trong tương lai cần xem xét quy hoạch theo quan điểm nâng dần mức sống chung với lũ trên cơ sở các giải pháp và bước đi phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, có xem xét đến yếu tố nước biển dâng.

Cụ thể, sẽ tiếp tục xây dựng, nâng cấp các cụm tuyến dân cư, bảo vệ các thị trấn, thị xã trong vùng ngập do lũ và nước biển dâng; xem xét các tuyến giao thông nông thôn khi xây dựng mô hình nông thôn mới trong vùng ngập theo cao trình mới, đảm bảo khả năng thoát lũ; nâng cấp và làm mới các trục thoát lũ, dẫn nước, tiêu nước cho các vùng Tứ giác Long Xuyên, tả sông Tiền, giữa sông Tiền - sông Hậu, bán đảo Cà Mau.

Mục đích của quy hoạch này là nhằm điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tình hình mới; chủ động thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Mục tiêu cụ thể của dự án: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi; chủ động cấp - thoát nước, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ổn định sản xuất cho 1.781 triệu ha đất lúa ĐBSCL; chủ động nguồn nước, đảm bảo lịch thời vụ và quá trình chuyển đổi cây trồng vật nuôi, giữ mặn ổn định cho khoảng 0,7 triệu ha diện tích nuôi trồng thủy sản [2].

Để vùng phát triển bền vững trong thời gian tới cần có kế hoạch phát triển giao thông vận tải; giáo dục, dạy nghề và bổ sung quy hoạch thủy lợi ĐBSCL giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2050.

Kế hoạch hành động từ nay đến năm 2020 là tập trung thực hiện các chương trình sau:

1. Chương trình tăng cường công tác quản lý

Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý, hoàn thiện cơ chế chính sách, tổ chức để đảm bảo khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả các ngành kinh tế - xã hội trong giai đoạn trước mắt và không mâu thuẫn với nhu cầu phát triển lâu dài.

2. Chương trình phát triển khoa học công nghệ

Đưa trình độ khoa học công nghệ thủy lợi đạt mức trung bình châu Á vào năm 2020, cụ thể là: nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ứng dụng các công nghệ mới, vật liệu mới, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ tiên tiến phục vụ công tác quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống thủy lợi theo hướng hiện đại hoá, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Chương trình phát triển nguồn nhân lực
Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, có năng lực tiếp cận và ứng

dụng các tiên bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực phát triển và bảo vệ nguồn nước, phân bố hợp lý theo nhu cầu của các địa phương.

4. Chương trình nâng cấp, hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi

Nâng cao độ ổn định, giảm tổn thất, tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả cấp nước của các hệ thống công trình hiện có.

5. Chương trình phát triển hồ chứa sinh thái để giữ và cấp nước

Xây dựng mới các hồ chứa để bảo đảm cấp nước, duy trì môi trường sinh thái nhằm đáp ứng nhu cầu nước ngày càng tăng do phát triển dân sinh, kinh tế và thích nghi với biến đổi khí hậu.

6. Chương trình phát triển thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp - nông thôn. Cấp nước phục vụ sinh hoạt, cải thiện điều kiện sống, tăng cường sức khoẻ cho dân cư, góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn.

7. Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Với hướng quy hoạch này, Bộ NN & PTNT xây dựng lộ trình cụ thể cho từng tiểu vùng, dự án. Theo đó, từ đây đến năm 2020 nâng cấp toàn hệ thống đê biển; hoàn thành 742km đê sông theo cao trình thích hợp; hạn chế lũ tràn từ biên giới sang ĐBSCL bằng hướng thoát lũ ra biển Tây (vùng Tứ giác Long Xuyên) sang sông Vàm Cỏ và sông Tiền (vùng Đồng Tháp Mười); tận dụng khả năng trữ lũ, chặn lũ bằng hệ thống các kênh trực cắt ngang vùng lũ...

Để thực hiện quy hoạch nhu cầu vốn đầu tư lên đến 520.969 tỉ đồng. Cụ thể vùng Tứ giác Long Xuyên 12.653 tỉ đồng; vùng Bán đảo Cà Mau 51.282 tỉ đồng; vùng giữa sông Tiền – sông Hậu 85.397 tỉ đồng; vùng tả sông Tiền 30.000 tỉ đồng; vùng hải đảo 1.224 tỉ đồng...

Ngoài việc tiến hành quy hoạch thủy lợi, cần phải đẩy mạnh nghiên cứu lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi thích hợp, sử dụng đặc trưng của vùng đất thấp, khai thác được

ý tố tích cực do tình hình mới đem lại. Việc nghiên cứu để xây dựng các tuyến đê biển Vũng Tàu-Gò Công, Rạch Giá-Kiên Giang cũng như việc chọn ngăn các cửa sông phải được tính toán, cân nhắc cẩn thận để đánh giá, dự báo được các ảnh hưởng có thể xảy ra khi hình thành dự án, đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt hợp lý. Sao cho việc quy hoạch thủy lợi đảm bảo nguyên tắc: tối ưu về kỹ thuật, hiệu quả về kinh tế, chấp nhận được về mặt xã hội và tốt nhất về mặt môi trường sinh thái.

4. Kết luận:

Ở ĐBSCL nhiều kênh trục chính đã được xây dựng nhưng thiếu công trình điều tiết, hệ thống nội đồng chưa hoàn chỉnh, quản lý thiếu chặt chẽ nên không phát huy đầy đủ công năng. Nhiều công trình xuống cấp nhanh do không được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Tổng cục Thủy lợi cần tiếp tục nghiên cứu, trình Bộ, Chính phủ phương án hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách trong quản lý, khai thác, đặc biệt là ưu tiên xây dựng Luật Thủy lợi; sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả công trình thủy lợi hiện có.

Các địa phương cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý khai thác, bảo đảm quản lý khép kín các công trình thủy lợi; tiếp tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, đồng thời rà soát, xử lý các vi phạm đến công trình thủy lợi để bảo đảm tưới, tiêu, thoát lũ trong mùa mưa bão.

Nghiên cứu phát triển tổng hợp và bền vững vùng ĐBSCL cần chú ý đến nhiều lĩnh vực như: hiện đại hóa nông nghiệp; quản lý nguồn nước; hỗ trợ tam nông; phát triển công nghiệp và hoạt động phi nông nghiệp; phát triển mạng lưới giao thông đường thủy, đường bộ và đường hàng không; mở rộng đô thị; phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề; cải thiện giáo dục và y tế; quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường. Chỉ có như vậy mới có thể thích ứng được với sự thay đổi về tài nguyên nước ở ĐBSCL nhằm mục đích phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Các báo cáo trong hội thảo “Diễn đàn kinh tế vùng Đồng bằng Sông Cửu Long” do Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và Bộ NN - PTNT phối hợp tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 21/4/2010.
- [2]. Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam- Quyết định 1590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/10/2009.
- [3]. Định hướng phát triển thủy sản vùng ĐBSCL, Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, 2010.
- [4]. Niên giám thống kê các tỉnh ĐBSCL, 2009.
- [5]. Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050- Quyết định 1581/QĐ-TTg ngày 09/10/2009.

Abstract:

HOW CAN WE ACTIVELY USE THE WATER RESOURCES IN THE MEKONG DELTA?

Water is one of the most especially important resources after the human resource and is an essential component of life. It decide the existence and sustainable development of the country. Mekong Delta is located in the downstream of the Mekong river and is an important economic region of our country. Thus, it is significant to find ways to adapt the new situation of the water resources when there are changes both in the upstream and the downstream side. The article points out some issues in the irrigation of the Mekong Delta which is needed to concentrate in the future.